

GIỚI THIỆU NỘI DUNG CƠ BẢN

Thông tư số 02/2023/TT-BNV ngày 23/3/2023 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chế độ thống kê ngành Nội vụ

(Tài liệu phục vụ phổ biến, tuyên truyền pháp luật)

1. Tên văn bản quy phạm pháp luật:

Thông tư số 02/2023/TT-BNV ngày 23/3/2023 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chế độ thống kê ngành Nội vụ.

2. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 5 năm 2023.

3. Sự cần thiết, mục đích và tác động kinh tế - xã hội

a) Sự cần thiết, mục đích

Triển khai Luật số 01/2021/QH15 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê, trong đó có sửa đổi, bổ sung chỉ tiêu thống kê quốc gia do Bộ Nội vụ phụ trách thu thập, tổng hợp và Nghị định số 94/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng thể sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Cơ sở pháp lý có nhiều thay đổi như Luật Thống kê sửa đổi năm 2021, Luật cán bộ, công chức sửa đổi năm 2019, Luật Thi đua Khen thưởng, một số Nghị định có liên quan cũng được sửa đổi, bổ sung nên một số khái niệm, thuật ngữ tại Thông tư số 03/2017/TT-BNV cũng cần phải điều chỉnh.

Thực hiện Quyết định số 2014/QĐ-TTg ngày 01 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển thống kê Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Quyết định số 1271/QĐ-BKHĐT ngày 05 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển thống kê Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045. Việc xây dựng các thông tư thay thế các thông tư trước đây là một nội dung cần thực hiện trong Kế hoạch.

Trên cơ sở hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành Nội vụ được ban hành theo Thông tư số 09/2022/TT-BNV ngày 16/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia được ban hành theo Nghị định số 94/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ Bộ nội vụ cần xây dựng hệ thống báo cáo thống kê ngành Nội vụ.

b) Tác động kinh tế - xã hội

Thông tư phục vụ thu thập số liệu chuyên ngành của ngành Nội vụ, từ đó phục vụ chức năng quản lý, hoạch định chính sách của ngành Nội vụ nói riêng,

các Bộ, ngành, địa phương nói chung. Đồng thời cung cấp thông tin chuyên đề phục vụ tổng kết, đánh giá một số Đề án, Nghị quyết lớn của Đảng, Chính phủ.

4. Nội dung chủ yếu của Thông tư

Thông tư này quy định về chế độ báo cáo thống kê ngành Nội vụ, gồm nội dung chế độ báo cáo thống kê; lập và gửi báo cáo thống kê; trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong việc thực hiện chế độ báo cáo thống kê; ứng dụng công nghệ thông tin trong việc thực hiện chế độ báo cáo thống kê.

Chế độ báo cáo thống kê ngành Nội vụ quy định danh mục báo cáo, biểu mẫu báo cáo và hướng dẫn, giải thích biểu mẫu báo cáo nhằm thu thập, tổng hợp thông tin thống kê thuộc Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia; Chỉ tiêu thống kê phát triển giới của quốc gia; chỉ tiêu thống kê phát triển bền vững của Việt Nam giao cho Bộ Nội vụ thực hiện và Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành Nội vụ quy định tại Thông tư số 09/2022/TT-BNV ngày 16/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

Thông tư gồm 06 Điều và 03 Phụ lục kèm theo được bố cục như sau:

- Điều 1. Phạm vi điều chỉnh.
- Điều 2. Đối tượng áp dụng.
- Điều 3. Chế độ báo cáo thống kê ngành Nội vụ.
- Điều 4. Tổ chức thực hiện.
- Điều 5. Kinh phí thực hiện.
- Điều 6. Hiệu lực thi hành.

Phụ lục I: Danh mục biểu mẫu chế độ báo cáo thống kê ngành Nội vụ.

Phụ lục II: Biểu mẫu và giải thích biểu mẫu.

Phụ lục III: Báo cáo kết quả thực hiện chế độ báo cáo thống kê ngành Nội vụ.

5. Những nội dung chính sách mới, quy định mới trong văn bản quy phạm pháp luật

Thông tư này thay thế Thông tư số 03/2018/TT-BNV ngày 06 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chế độ báo cáo thống kê ngành Nội vụ và bãi bỏ các quy định sau:

a) Chương 2, Thông tư số 07/2019/TT-BNV ngày 01 tháng 6 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định về chế độ báo cáo thống kê và quản lý hồ sơ viên chức;

b) Chương 2, Thông tư số 11/2012/TT-BNV ngày 17 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định về chế độ báo cáo thống kê và quản lý hồ sơ công chức./.

GIỚI THIỆU NỘI DUNG CƠ BẢN
Thông tư số 09/2023/TT-BNV ngày 03/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ
quy định định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng
ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực nội vụ về bồi dưỡng cán bộ,
công chức, viên chức

(Tài liệu phục vụ phổ biến, tuyên truyền pháp luật)

1. Tên văn bản quy phạm pháp luật:

Thông tư số 09/2023/TT-BNV ngày 03/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực nội vụ về bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức

2. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2023.

3. Sự cần thiết, mục đích và tác động kinh tế - xã hội

a) Sự cần thiết, mục đích

Việc ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước (NSNN) để đáp ứng yêu cầu triển khai chủ trương của Đảng, quy định của Nhà nước về đổi mới cơ chế hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 15/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương khóa XII.

Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 03/4/2017 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên và Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập cũng giao nhiệm vụ cho các Bộ, cơ quan trung ương ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí (nếu có) làm cơ sở ban hành đơn giá, giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về giá. Do vậy, việc ban hành Thông tư quy định định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN về bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức là cần thiết để tạo cơ sở pháp lý cho việc tổ chức cung ứng dịch vụ sự nghiệp công theo định hướng đổi mới tổ chức và hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.

b) Tác động kinh tế - xã hội

Xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật là căn cứ để cơ quan có thẩm quyền xây dựng, ban hành đơn giá, giá dịch vụ; dự toán kinh phí cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực Nội vụ về bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

4. Nội dung chủ yếu của Thông tư

Thông tư này quy định định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực Nội vụ về bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức, bao gồm: Bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước theo tiêu chuẩn ngạch công chức; bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Nội vụ; bồi dưỡng theo yêu cầu của vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý; bồi dưỡng theo yêu cầu vị trí việc làm chuyên môn, nghiệp vụ lĩnh vực Nội vụ. Cụ thể như sau:

(1) Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước theo tiêu chuẩn ngạch công chức, gồm có:

- Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước theo tiêu chuẩn ngạch chuyên viên và tương đương quy định tại Phụ lục II;

- Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước theo tiêu chuẩn ngạch chuyên viên chính và tương đương quy định tại Phụ lục III;

- Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước theo tiêu chuẩn ngạch chuyên viên cao cấp và tương đương quy định tại Phụ lục IV.

(2) Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Nội vụ áp dụng đối với chuyên ngành Lưu trữ quy định tại Phụ lục V.

(3) Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ bồi dưỡng theo yêu cầu của vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý gồm có:

- Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ bồi dưỡng theo yêu cầu của vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý cấp phòng và tương đương quy định tại Phụ lục VI;

- Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ bồi dưỡng theo yêu cầu của vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý cấp vụ, cấp sở, cấp huyện và tương đương quy định tại Phụ lục VII.

(4) Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ bồi dưỡng theo yêu cầu vị trí việc làm chuyên môn, nghiệp vụ lĩnh vực Nội vụ quy định tại Phụ lục VIII.

Thông tư gồm có 7 Điều và 8 Phụ lục:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Điều 3. Mục tiêu xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật

Điều 4. Nguyên tắc xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật

Điều 5. Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật

Điều 6. Tổ chức thực hiện

Điều 7. Hiệu lực thi hành

Phụ lục I: Hướng dẫn chung và quy trình triển khai dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực Nội vụ về bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

Phụ lục II: Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước theo tiêu chuẩn ngạch chuyên viên và tương đương.

Phụ lục III: Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước theo tiêu chuẩn ngạch chuyên viên chính và tương đương.

Phụ lục IV: Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước theo tiêu chuẩn ngạch chuyên viên cao cấp và tương đương.

Phụ lục V: Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Lưu trữ.

Phụ lục VI: Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ bồi dưỡng theo yêu cầu của vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý cấp phòng và tương đương.

Phụ lục VII: Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ bồi dưỡng theo yêu cầu của vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý cấp vụ, cấp sở, cấp huyện và tương đương.

Phụ lục VIII: Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ bồi dưỡng theo yêu cầu vị trí việc làm chuyên môn, nghiệp vụ lĩnh vực Nội vụ.

5. Những nội dung chính sách mới, quy định mới trong văn bản quy phạm pháp luật

Các nội dung của Thông tư đều là những nội dung quy định mới nhất hiện nay./.

GIỚI THIỆU NỘI DUNG CƠ BẢN
Thông tư số 14/2023/TT-BNV ngày 05/9/2023 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ
ban hành quy định cập nhật, khai thác và quản lý cơ sở dữ liệu
chuyên ngành nội vụ.

(Tài liệu phục vụ phổ biến, tuyên truyền pháp luật)

1. Tên văn bản quy phạm pháp luật

Thông tư số 14/2023/TT-BNV ngày 05/9/2023 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành quy định cập nhật, khai thác và quản lý cơ sở dữ liệu chuyên ngành nội vụ.

2. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 10 năm 2023.

3. Sự cần thiết, mục đích và tác động kinh tế - xã hội

a) Sự cần thiết, mục đích

Việc xây dựng Thông tư trên nhằm quy định cụ thể đối với việc cập nhật, khai thác và quản lý cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ, cụ thể là các thông tin trong cơ sở dữ liệu theo Danh mục cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ. Quy định của Thông tư là căn cứ cho các bộ, ngành, địa phương, các đơn vị thuộc Bộ Nội vụ tổ chức cập nhật, chuẩn hóa thông tin về dữ liệu chuyên ngành Nội vụ sẵn có tại đơn vị để cập nhật vào cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ.

b) Tác động kinh tế - xã hội

Thông tư số 14/2023/TT-BNV được ban hành trên cơ sở quy định của Luật Giao dịch điện tử năm 2005, Luật Lưu trữ năm 2011 và một số văn bản quy phạm pháp luật khác để kịp thời tạo cơ sở pháp lý cho việc xây dựng cơ sở dữ liệu chuyên ngành nội vụ, phục vụ hoạt động quản lý nhà nước về lĩnh vực nội vụ, đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính và xây dựng Chính phủ điện tử, công tác chuyển đổi số hiện nay.

4. Nội dung chủ yếu của Thông tư

Quy định này quy định về cập nhật, khai thác và quản lý cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ. Việc cập nhật, khai thác và quản lý cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ chứa thông tin thuộc phạm vi bí mật nhà nước thực hiện theo quy định của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành. Thông tư này không áp dụng đối với việc cập nhật, khai thác và quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức.

Danh mục cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ do Bộ Nội vụ xây dựng, quản lý thống nhất trong toàn ngành Nội vụ bao gồm: 1. Cơ sở dữ liệu quốc gia tài liệu lưu trữ. 2. Cơ sở dữ liệu về kiểm định chất lượng đầu vào công chức. 3. Cơ sở dữ liệu về tổ chức, bộ máy. 4. Cơ sở dữ liệu chính quyền địa phương và địa giới hành chính. 5. Cơ sở dữ liệu về hội, quỹ, tổ chức phi chính phủ. 6. Cơ sở dữ liệu về

thanh niên. 7. Cơ sở dữ liệu về tôn giáo. 8. Cơ sở dữ liệu về thi đua - khen thưởng. 9. Cơ sở dữ liệu về quản lý đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức. 10. Cơ sở dữ liệu về nhân tài.

Cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ do Bộ Nội vụ xây dựng, quản lý thống nhất trong toàn ngành Nội vụ. Nội dung của cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ được thực hiện theo quy định tại Khoản 3, 4 Điều 11 Nghị định số 47/2020/NĐ-CP về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước.

Thông tư có 03 Điều và Quy định kèm theo Thông tư gồm có 04 Chương, 14 Điều, gồm:

Chương I: Quy định chung

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Điều 4. Nguyên tắc cập nhật, kết nối, khai thác và quản lý cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ

Chương II: Nội dung của cơ sở dữ liệu chuyên ngành nội vụ

Điều 5. Danh mục cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ

Điều 6. Nội dung cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ

Chương III: Quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu

Điều 7. Tài khoản trên cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ

Điều 8. Sử dụng, cập nhật dữ liệu trên cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ

Điều 9. Khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ

Điều 10. Hướng dẫn, hỗ trợ kỹ thuật sử dụng cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ

Điều 11. Quy định về kết nối, chia sẻ dữ liệu với cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ

Chương IV: Tổ chức thực hiện

Điều 12. Trách nhiệm của các đơn vị thuộc Bộ Nội vụ

1. Các đơn vị thuộc Bộ được phân công là cơ quan quản lý dữ liệu cấp I, Bộ Nội vụ

2. Trung tâm Thông tin, Bộ Nội vụ:

Điều 13. Trách nhiệm của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Điều 14. Kinh phí cho hoạt động cập nhật, kết nối, chia sẻ và quản lý cơ sở dữ liệu chuyên ngành Nội vụ

5. Những nội dung chính sách mới, quy định mới trong văn bản quy phạm pháp luật

Các nội dung của Thông tư đều là những nội dung quy định mới nhất hiện nay./.